

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
trung học cơ sở năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 293/QĐ-SGDĐT ngày 08/02/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1576/QĐ-SGDĐT ngày 11/11/2024 của Sở GDĐT v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 293/QĐ-SGDĐT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **861** học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trung học cơ sở năm 2024, gồm: **35** giải Nhất, **167** giải Nhì, **261** giải Ba và **398** giải Khuyến khích (có Danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Học sinh có tên trong Danh sách tại Điều 1 được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo công khai kết quả, tổ chức trao Giấy chứng nhận học sinh giỏi cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho học sinh đoạt giải và chi trả chế độ thưởng quy định tại Nghị quyết số 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho học sinh, giáo viên.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Ngọc Sơn

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/03/2025

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

TT	Đơn vị	MĐV	SLDT	Nhất	Nhì	Ba	K.Kh	T.Giải	Đạt tỷ lệ	Nhóm
TỔNG			1783	35	167	261	398	861	48,29%	
1	Phòng GD&ĐT Móng Cái	81	173	2	21	29	35	87	50,29%	3
2	Phòng GD&ĐT Hải Hà	82	124	2	10	22	25	59	47,58%	4
3	Phòng GD&ĐT Đầm Hà	83	68	1	2	9	12	24	35,29%	4
4	Phòng GD&ĐT Bình Liêu	84	84	2	15	13	25	55	65,48%	4
5	Phòng GD&ĐT Ba Chẽ	85	56	1	5	6	12	24	42,86%	4
6	Phòng GD&ĐT Tiên Yên	86	76	4	6	12	35	57	75,00%	4
7	Phòng GD&ĐT Cô Tô	87	24			3	4	7	29,17%	4
8	Phòng GD&ĐT Vân Đồn	88	51		5	7	7	19	37,25%	4
9	Phòng GD&ĐT Cẩm Phả	89	228	9	17	38	47	111	48,68%	3
10	Phòng GD&ĐT Hạ Long (A)	90	406	6	46	62	95	209	51,48%	3
11	Phòng GD&ĐT Hạ Long (B)	91	68	1	3	5	9	18	26,47%	4
12	Phòng GD&ĐT Quảng Yên	92	138	1	10	17	45	73	52,90%	3
13	Phòng GD&ĐT Uông Bí	93	94	3	14	18	15	50	53,19%	3
14	Phòng GD&ĐT Đông Triều	94	193	3	13	20	32	68	35,23%	3

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 81-Phòng GDDT Móng Cái

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	81001	LÊ QUỲNH ANH	19/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Ka Long
2	81005	HOÀNG THU HOÀI	20/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	14,25	Nhì	THCS Hòa Lạc
3	81009	NGUYỄN THIÊN MINH	08/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Ka Long
4	81010	TRƯƠNG PHƯỚC NGUYỄN	15/5/2010	Đắk Lắk	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	Ba	THCS Hòa Lạc
5	81012	LƯU HOÀNG ANH THU	06/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,25	K. Khích	THCS Ninh Dương
6	81014	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	02/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	11,50	Ba	THCS Hòa Lạc
7	81015	ĐỖ PHƯƠNG ANH	04/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	15,00	Ba	THCS Quảng Nghĩa
8	81018	NGUYỄN TẤN DŨNG	26/01/2010	Khánh Hòa	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	17,00	Nhì	THCS Hải Yên
9	81019	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	14,00	Nhì	THCS Hải Yên
10	81020	TRẦN TIẾN ĐẠT	07/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	14,75	Nhì	THCS Hải Yên
11	81021	NGUYỄN VĂN HIẾU	26/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	11,25	K. Khích	THCS Quảng Nghĩa
12	81022	VŨ THỊ KIM HUỆ	29/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	12,75	Ba	THCS Trà Cổ
13	81024	LÊ TÔN LỄ	08/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	17,25	Nhì	THCS Hòa Lạc
14	81025	BÙI TẤN NAM	08/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	14,50	Ba	THCS Quảng Nghĩa
15	81026	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	03/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Hải Tiến
16	81028	PHẠM KỶ PHONG	15/7/2010	Hà Nội	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lý)	11,00	K. Khích	THCS Hòa Lạc
17	81030	VŨ QUANG PHÚ	25/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Hải Tiến
18	81031	NGUYỄN TẤN SANG	09/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	15,75	Nhì	THCS Hòa Lạc
19	81032	VŨ MINH TUỆ	12/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Sinh học)	15,25	Nhì	THCS Hòa Lạc
20	81034	HÀ TIẾN ĐẠT	29/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	8,59	K. Khích	THCS Ninh Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
21	81044	NGUYỄN DIỆP ANH	21/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Hải Yên
22	81046	TRỊNH HÀ ANH	21/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Ninh Dương
23	81047	ĐINH THỊ BẢO CHÂU	01/11/2010	Nam Định	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Hòa Lạc
24	81053	LÊ NGỌC LINH	28/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Hòa Lạc
25	81054	VI BẢO NGỌC	06/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Hòa Lạc
26	81062	VŨ THỊ MINH ANH	23/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Hải Xuân
27	81064	NGUYỄN LINH CHI	07/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Hải Hòa
28	81065	BÙI HÙNG CUÔNG	12/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Hải Tiến
29	81066	PHẠM TIẾN DŨNG	30/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Ka Long
30	81067	HOÀNG HỒNG DƯƠNG	22/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	THCS Trà Cổ
31	81068	TRẦN TIẾN ĐẠT	16/6/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS Ka Long
32	81069	HOÀNG THỊ GÁI	14/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Vĩnh Thục
33	81070	ĐẶNG THU HÀ	05/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Ka Long
34	81071	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	29/5/2010	Bắc Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	15,00	Nhì	THCS Hải Yên
35	81072	TRẦN ĐÌNH MINH HIẾU	11/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Hải Hòa
36	81074	TRẦN QUỐC HUY	28/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS Vĩnh Thục
37	81075	VŨ VĂN HUY	30/7/2011	Bắc Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Hải Tiến
38	81077	NGUYỄN MINH KHÔI	19/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Hải Tiến
39	81078	ĐẶNG KHÁNH LINH	03/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	15,00	Nhì	THCS Hải Đông
40	81080	NGUYỄN MAI LINH	28/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	THCS Hải Tiến
41	81081	PHẠM HOÀNG LINH	20/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,75	Ba	THCS Quảng Nghĩa
42	81082	PHÙNG XUÂN LUYẾN	15/01/2011	Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	16,00	Nhì	THCS Quảng Nghĩa
43	81083	VŨ LƯU KHÁNH LY	10/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Hải Tiến
44	81084	NGUYỄN THANH MAI	13/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Ninh Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
45	81085	TRẦN THÙY MINH	21/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	THCS Hải Xuân
46	81087	ĐỖ THU NGÂN	08/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	K. Khích	THCS Ninh Dương
47	81090	HOÀNG XUÂN NHI	29/9/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,75	Ba	THCS Hải Tiến
48	81091	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	26/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Vĩnh Thục
49	81092	BÙI MINH PHƯƠNG	07/3/2010	Thái Bình	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Hải Xuân
50	81094	LƯU THỊ HUYỀN PHƯƠNG	15/12/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Quảng Nghĩa
51	81098	VŨ PHƯƠNG THÚY	21/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	14,00	Nhì	THCS Hải Xuân
52	81099	LÊ ANH THU	31/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	17,25	Nhất	THCS Hải Hòa
53	81100	NGÔ MAI TRANG	21/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,50	Ba	THCS Hải Xuân
54	81101	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	26/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	10,75	K. Khích	THCS Hải Đông
55	81102	NGÔ THANH VÂN	25/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,50	Ba	THCS Hải Xuân
56	81107	VŨ MAI CHI	07/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,30	Nhì	THCS Hòa Lạc
57	81113	TRƯƠNG KHÁNH LINH	02/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,70	K. Khích	THCS Ka Long
58	81118	HOÀNG THỊ HƯƠNG THẢO	12/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,90	K. Khích	THCS Hòa Lạc
59	81119	NGUYỄN MINH TIẾN	13/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,30	K. Khích	THCS Hòa Lạc
60	81120	ĐỖ KHÁNH UYÊN	29/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,80	K. Khích	THCS Hòa Lạc
61	81124	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	05/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	16,20	Nhì	THCS Ninh Dương
62	81125	NGÔ BẢO CHÂU	03/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	15,60	Nhì	THCS Hòa Lạc
63	81126	NGUYỄN MAI CHI	19/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	17,80	Nhất	THCS Ka Long
64	81127	TRẦN ANH DUY	29/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Trung Quốc	14,15	Nhì	THCS Ka Long
65	81128	LAU TRIỆU DƯƠNG	05/6/2011	Thái Bình	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	13,05	Ba	THCS Hòa Lạc
66	81129	TÓNG QUỐC ĐẠT	29/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	15,95	Nhì	THCS Ninh Dương
67	81131	LÊ VIỆT HOÀNG	11/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	13,95	Ba	THCS Hải Yên
68	81133	NGUYỄN HÀ LÂM	24/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	13,70	Ba	THCS Hải Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
69	81136	HAO TÂN NGUYỄN	02/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,40	K. Khích	THCS Hòa Lạc
70	81138	NGUYỄN MINH NGUYỆT	14/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,30	Ba	THCS Hải Đông
71	81139	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	15/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,85	K. Khích	THCS Ka Long
72	81140	ĐẶNG HÙNG SƠN	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	12,35	Ba	THCS Hòa Lạc
73	81141	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,80	K. Khích	THCS Hải Xuân
74	81142	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	10/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	15,00	Nhì	THCS Ninh Dương
75	81143	HOÀNG HOA THỦY TIÊN	18/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	14,00	Ba	THCS Ka Long
76	81144	PHẠM YẾN TRANG	13/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	15,00	Nhì	THCS Ninh Dương
77	81146	NGUYỄN MAI UYÊN	13/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	15,30	Nhì	THCS Ninh Dương
78	81147	ĐỖ THẾ VINH	23/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	15,90	Nhì	THCS Ninh Dương
79	81148	NGUYỄN TUỜNG VY	14/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	14,10	Ba	THCS Ka Long
80	81160	NGUYỄN HUY HOÀNG	18/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Bình Ngọc
81	81161	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	18/7/2011	Nam Định	Kinh	Nam	8	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Ninh Dương
82	81163	LÊ THỊ DIỆU LINH	05/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Vĩnh Thực
83	81165	NGUYỄN TÂM NHƯ	14/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Hải Hòa
84	81166	LÊ THỊ BÍCH THẢO	19/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Hải Hòa
85	81168	PHẠM NGỌC THU	27/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	TH&THCS Vĩnh Trung
86	81172	PHẠM TUỜNG VY	22/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Hải Đông
87	81173	TRẠC MINH VY	22/4/2011	Quảng Ninh	Hán	Nữ	8	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Hải Đông

(Danh sách trên có 87 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 82-Phòng GDDT Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	82004	VŨ VIỆT	HƯNG	15/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
2	82006	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
3	82007	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	01/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
4	82008	ĐỖ TRÍ	NHÂN	09/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	9,75	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
5	82010	NGUYỄN NAM	PHONG	27/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
6	82014	PHẠM ANH	QUYẾT	02/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
7	82015	NGUYỄN THỊ DIỆU	TÂY	26/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
8	82016	VƯƠNG GIA	THÀNH	03/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
9	82017	VŨ THU	THÙY	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,25	Ba	THCS Quảng Minh
10	82020	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	27/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	17,25	Nhất	THCS Quảng Minh
11	82023	NGUYỄN CHÍ	ĐẠT	14/7/2010	Nghệ An	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	12,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
12	82029	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	14/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	16,25	Ba	THCS Quảng Minh
13	82032	HÀ MINH	PHƯỚC	07/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	16,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
14	82033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	TÀI	28/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS&THPT Đường Hoa Cường
15	82035	PHẠM ĐỨC	THÁI	29/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	9,75	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
16	82038	PHẠM ĐOÀN	TÙNG	07/12/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	KHTN (Hóa học)	10,00	K. Khích	THCS Quảng Chính
17	82039	PHẠM NGỌC	VŨ	13/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	14,00	K. Khích	THCS Quảng Minh
18	82040	NGUYỄN CHÍ THÀNH	DANH	01/6/2010	Thừa Thiên Huế	Kinh	Nam	9	Tin học	9,38	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
19	82041	LƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂM	07/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tin học	10,68	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
20	82043	NGUYỄN TRẦN BẢO	CHÂU	01/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
21	82046	KHÔNG LÊ	HÀ	28/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
22	82050	ĐỒNG PHƯƠNG THẢO	07/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Quảng Minh
23	82051	TÔ PHƯƠNG THẢO	15/11/2010	Quảng Ninh	Sán Diu	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
24	82053	ĐÀO THU THỦY	30/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
25	82055	NGUYỄN THÙY TRANG	05/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
26	82056	CAO YẾN VY	28/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Quảng Minh
27	82057	ĐINH THỊ TUỜNG VY	24/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS&THPT Đường Hoa Cương
28	82059	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	15,25	Nhì	THCS Quảng Minh
29	82061	ĐỖ NGỌC CHI	05/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà II
30	82062	LẠI DƯƠNG MAI CHI	30/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà II
31	82063	NGUYỄN THỊ Á DƯƠNG	06/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Quảng Phong
32	82064	DƯƠNG HỮU ĐẠO	15/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Nhì	THCS Quảng Thành
33	82066	PHÙN MAI GIANG	17/3/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	PTDTNT THCS Hải Hà
34	82069	TRẦN KHÁNH HUYỀN	06/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	Ba	THCS Quảng Thành
35	82070	TẶNG THU HƯỜNG	07/12/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	15,50	Nhì	PTDTNT THCS Hải Hà
36	82071	LÊ NGỌC LINH	16/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,50	Nhì	THCS Quảng Minh
37	82073	NGUYỄN THÙY LINH	27/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	Ba	THCS Quảng Minh
38	82075	LÊ THÀNH LONG	07/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,75	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
39	82076	NGUYỄN THỊ THANH MAI	07/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS Quảng Chính
40	82077	BÙI THỊ HOÀI NGỌC	14/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,75	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà II
41	82080	TRẦN THỊ TỔ NHƯ	23/8/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	K. Khích	TH&THCS Quảng Thịnh
42	82085	HỒ LƯU THẢO	01/01/2010	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,25	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
43	82086	ĐINH THỊ HOÀI THU	30/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
44	82088	ĐÀO LƯU THÙY TRANG	17/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,00	Ba	THCS&THPT Đường Hoa Cương
45	82089	CHÌU THỊ ÁNH TUYẾT	18/7/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	TH&THCS Quảng Thịnh
46	82090	ĐỖ THỊ PHƯƠNG VY	21/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,00	K. Khích	THCS Quảng Chính

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
47	82092	BÙI THÀNH AN	01/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,80	Nhất	THCS thị trấn Quảng Hà
48	82093	ĐẶNG BẢO AN	10/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	15,00	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
49	82095	NGÔ KHÁNH CHI	31/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,70	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
50	82097	BÙI THỊ THÚY HẰNG	14/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,30	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
51	82098	PHẠM TRUNG KIÊN	23/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	14,40	Ba	THCS thị trấn Quảng Hà
52	82099	ĐỖ BẢO LINH	18/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,50	Nhì	THCS thị trấn Quảng Hà
53	82100	NGUYỄN QUANG LONG	08/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,40	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
54	82101	NGUYỄN NAM PHONG	08/3/2011	Hà Nội	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,70	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
55	82103	ĐẶNG QUỐC THÁI	26/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,20	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
56	82104	NGUYỄN THANH THÙY	13/6/2010	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,40	Nhì	THCS&THPT Đường Hoa Cương
57	82107	LUU KHÁNH VI	20/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	13,80	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà
58	82114	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	11/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Quảng Phong
59	82123	BÙI TRƯƠNG HẠ VY	27/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS thị trấn Quảng Hà

(Danh sách trên có 59 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 83-Phòng GDDT Đàm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	83003	ĐINH TUẤN ĐẠT	19/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,50	Nhì	THCS thị trấn Đàm Hà
2	83004	PHẠM LÊ ĐẠT	16/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	9,75	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
3	83006	HÀ QUANG HƯNG	18/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
4	83007	LƯU QUANG MINH	11/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	13,00	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
5	83009	PHAN TỐ UYÊN	24/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	9,50	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
6	83014	NGUYỄN NGỌC HUY	20/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	12,50	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
7	83019	VŨ THANH TIỆP	09/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Hóa học)	15,00	Nhất	THCS thị trấn Đàm Hà
8	83024	CHU THỊ HÀ KHUYÊN	01/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Quảng Tân
9	83025	BÙI THỊ KIM NGÂN	27/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,25	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
10	83031	TRỊNH NGỌC ÁNH	16/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Tân Bình
11	83034	HOÀNG NGỌC HÀ	07/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,25	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
12	83038	HOÀNG PHƯƠNG THANH	26/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
13	83039	LÝ NGỌC THANH	28/6/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Quảng An
14	83040	CHÌU THỊ THẢO	04/02/2011	Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Quảng An
15	83046	PHẠM ÁNH TUYẾT	03/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	THCS Quảng An
16	83055	ĐINH SƠN LỘC	18/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,60	Ba	THCS thị trấn Đàm Hà
17	83059	PHẠM THỊ HOÀI AN	15/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Tân Bình
18	83060	LÝ TIỂU Á	26/10/2010	Đắk Lắk	Dao	Nữ	9	GDCD	12,50	Ba	THCS Tân Bình
19	83062	LÊ KHÁNH NGỌC	04/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,50	Nhì	THCS Quảng Tân

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
20	83063	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	24/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	THCS thị trấn Đàm Hà
21	83064	HOÀNG THỊ ÁNH NGUYỆT	21/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Tân Bình
22	83065	CHẠC THỊ PHƯƠNG	27/4/2010	Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	9	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Tân Bình
23	83067	ĐẶNG THỊ TĂNG	19/5/2011	Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	8	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Quảng An
24	83068	PHẠM THỊ THANH THƯƠNG	17/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	Ba	THCS Quảng An

(Danh sách trên có 24 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 84-Phòng GDDT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	84002	HOÀNG MINH HỌC	07/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	15,00	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
2	84004	PHẠM TUẤN MINH	24/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	17,00	Nhất	THCS Thị trấn Bình Liêu
3	84006	NGUYỄN AN TRÚC QUÂN	07/10/2010	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Toán	13,50	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
4	84008	HOÀNG ANH	18/8/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	KHTN (Hóa học)	14,25	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
5	84009	TRẦN MẠNH CUỜNG	12/8/2011	Quảng Ninh	Tày	Nam	8	KHTN (Vật lí)	13,50	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
6	84011	HOÀNG GIA HƯNG	20/7/2011	Quảng Ninh	Tày	Nam	8	KHTN (Hóa học)	13,00	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
7	84012	TRẦN GIA KHANG	10/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	13,75	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
8	84013	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	26/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	13,75	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
9	84014	NGÔ BẢO SƠN	09/01/2011	Quảng Ninh	Tày	Nam	8	KHTN (Hóa học)	13,00	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
10	84015	HOÀNG THẾ TÂM	19/7/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
11	84016	PHẠM MINH TÂM	11/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	9,00	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
12	84019	ĐẶNG QUỲNH TRÂM	14/10/2012	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	7	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
13	84020	LỤC PHƯƠNG TRUNG	04/01/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nam	9	KHTN (Vật lí)	15,25	Nhất	PTDT Nội trú Bình Liêu
14	84021	LÊ TRẦN TƯỜNG VY	17/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
15	84022	LÝ TIỀN DŨNG	07/12/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tin học	9,11	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
16	84027	NGÔ BẢO TIỀN	04/9/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tin học	12,90	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
17	84028	PHẠM AN AN	26/8/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
18	84029	NÔNG THỊ YÊN DÂN	18/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	14,50	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
19	84030	HOÀNG THỊ HẠ	29/4/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Ngữ văn	13,00	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
20	84031	CHIU THỊ KIM	10/8/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
21	84033	LÝ THỊ THU'	29/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
22	84034	LÊ HOÀNG VY	28/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS&THPT Hoành Mô
23	84036	HOÀNG KHÁNH BĂNG	27/12/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,50	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
24	84038	PHẠM ÁNH DƯƠNG	26/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Nhì	THCS Lục Hồn
25	84039	LA THỊ THẢO GIANG	21/10/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Lục Hồn
26	84040	MẠ NGUYỄN HÀ	11/12/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	K. Khích	THCS Lục Hồn
27	84041	VI TRUNG HẢO	06/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,50	Ba	THCS Đồng Tâm
28	84042	NGÔ MINH HẰNG	02/12/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,25	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
29	84043	HOÀNG TÂM LAN	08/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,75	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
30	84044	TRẦN MAI LAN	08/7/2011	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
31	84046	NGUYỄN NGỌC MAI	30/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
32	84047	NGUYỄN TRÀ MY	14/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
33	84050	HOÀNG TUYẾT NHUNG	16/7/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	12,75	K. Khích	THCS Lục Hồn
34	84051	LƯƠNG THỊ HÀ NHƯ'	30/3/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,50	K. Khích	THCS Đồng Tâm
35	84052	LỠ THỊ PHƯƠNG	26/3/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
36	84053	PHAN MINH PHƯƠNG	15/4/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	17,75	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
37	84054	PHẠM MINH PHƯƠNG	22/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
38	84055	NGÔ NGỌC QUỲNH	07/6/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
39	84057	QUY THANH TÙNG	09/11/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	16,00	Nhì	THCS Thị trấn Bình Liêu
40	84058	HOÀNG DIỆU VÂN	22/10/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,25	K. Khích	THCS Lục Hồn
41	84059	HOÀNG HÀ ANH	04/5/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Tiếng Anh	13,60	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
42	84060	NGÔ VÂN HOA	03/02/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Tiếng Anh	14,60	Ba	PTDT Nội trú Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
43	84061	NGUYỄN DUY KIÊN	14/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	11,80	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
44	84062	NGUYỄN THẢO LINH	14/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,70	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
45	84063	VŨ THỊ NGỌC THẢO	31/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	12,70	K. Khích	THCS&THPT Hoành Mô
46	84064	MẠC NGÔ VY	31/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,70	Ba	THCS Thị trấn Bình Liêu
47	84066	TRẦN THỊ THUÝ BÌNH	03/12/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	GDCD	13,25	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
48	84067	NÌNH THỊ CHẶN	10/6/2009	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	GDCD	13,25	Nhì	THCS Vô Ngại
49	84074	MẦY THỊ NGỌC HÂN	31/10/2011	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
50	84075	HOÀNG BẢO NGỌC	01/01/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Thị trấn Bình Liêu
51	84076	TẶNG THỊ NHƯ	17/7/2011	Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Vô Ngại
52	84077	HOÀNG MAI PHƯƠNG	29/01/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu
53	84080	HOÀNG THANH THUỶ	12/02/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Lục Hồn
54	84081	CHÌU THỊ HOÀI THƯƠNG	18/7/2011	Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	13,25	Nhì	PTDT Nội trú Bình Liêu
55	84083	LÔ THỊ MINH TUYẾT	30/10/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	11,50	K. Khích	PTDT Nội trú Bình Liêu

(Danh sách trên có 55 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 85-Phòng GDDT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	85002	PHẠM KHÁNH LINH	23/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,75	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
2	85007	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	18/11/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nam	9A	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Đồn Đạc
3	85008	HOÀNG ANH GIA HUY	25/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	KHTN (Sinh học)	14,00	K. Khích	THCS Đồn Đạc
4	85009	BÙI TRẦN NHẬT MINH	30/11/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nam	9A	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
5	85012	NGUYỄN THÀNH THIỆN	16/3/2010	Hà Nội	Kinh	Nam	9A	KHTN (Vật lí)	9,25	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
6	85016	ĐOÀN QUỲNH ANH	01/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Ngữ văn	12,25	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
7	85017	LÊ THỊ ÁNH	09/02/2011	Đắk Nông	Kinh	Nữ	8C	Ngữ văn	13,25	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
8	85018	VŨ THÀNH ĐẠT	26/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
9	85019	PHẠM THANH HẰNG	07/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
10	85020	NGÔ DUY HIẾU	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Ngữ văn	13,00	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
11	85023	PHẠM GIA LINH	27/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	Ngữ văn	14,75	Nhất	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
12	85024	NGUYỄN THU PHƯƠNG	28/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
13	85025	PHẠM MÃN THI	21/02/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8C	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
14	85027	LÝ PHƯƠNG UYÊN	20/10/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	Ngữ văn	12,75	K. Khích	PTDT Nội Trú Ba Chẽ
15	85028	NỊNH THỊ TỔ UYÊN	24/6/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9A	Ngữ văn	13,00	Ba	PTDT Nội Trú Ba Chẽ
16	85031	LÝ THỊ HOÀNG YẾN	06/7/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	Ngữ văn	13,75	Nhì	TH&THCS Nam Sơn
17	85034	TRIỆU THU HƯƠNG	13/01/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	PTDT Nội Trú Ba Chẽ
18	85038	NỊNH THANH THÙY	12/7/2011	Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	8C	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	Ba	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
19	85042	ĐINH HOÀNG VŨ	05/7/2010	Quảng Ninh	Tày	Nam	9A	LS&ĐL (Địa lí)	13,50	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
20	85046	NGÔ VIỆT BẮC	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Thị Trấn Ba Chẽ
21	85048	HOÀNG NGÂN HÀ	28/8/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	GDCD	13,50	Nhì	PTDT Nội Trú Ba Chẽ
22	85049	NỊNH THỊ KIỀU HÂN	09/7/2010	Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Thanh Lâm
23	85054	TRIỆU THỊ NINH	04/5/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9B	GDCD	13,25	Nhì	PTDT Nội Trú Ba Chẽ
24	85055	VI XUÂN TRIỆU	09/01/2010	Quảng Ninh	Dao	Nam	9A	GDCD	12,75	Ba	PTDT Nội Trú Ba Chẽ

(Danh sách trên có 24 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 86-Phòng GDDT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	86002	HOÀNG TIẾN DŨNG	30/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,50	Ba	THCS&THPT Tiên Yên
2	86003	NÔNG THANH HÀ	09/11/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS Tiên Lãng
3	86004	ĐOÀN VŨ NHÂN KIỆT	26/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	9,50	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
4	86005	PHÙNG NHẬT MINH	05/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên
5	86006	LÊ BẢO NAM	08/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	12,00	Ba	THCS&THPT Tiên Yên
6	86007	HOÀNG HÀ PHƯƠNG THẢO	23/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Toán	10,25	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
7	86008	KIM NGỌC THỊNH	04/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên
8	86011	PHẠM QUỲNH CHI	16/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	14,00	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
9	86012	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	17/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	17,25	Nhất	THCS&THPT Hải Đông
10	86013	ĐỖ TRẦN THIÊN HÀ	27/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	17,00	Nhì	THCS Hải Lạng
11	86014	LÊ PHƯƠNG LINH	22/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	16,25	Ba	THCS&THPT Hải Đông
12	86015	LÊ THỊ TRÚC LINH	04/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Sinh học)	15,75	K. Khích	THCS Tiên Lãng
13	86016	PHẠM PHƯƠNG LINH	15/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	14,75	Nhì	TH&THCS Đồng Rui
14	86017	LƯƠNG KHÁNH NGỌC	02/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	16,00	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
15	86018	LƯƠNG THẾ SON	21/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,75	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
16	86020	LÊ ĐỨC TUỆ	19/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Hóa học)	11,00	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên
17	86021	NGÔ THÁI TUẤN	25/9/2009	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,88	Ba	THCS&THPT Tiên Yên
18	86022	TRẦN NGỌC LAN ANH	15/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Đông Ngũ
19	86026	PHẠM NGỌC HÀ	02/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Hải Lạng
20	86028	LƯƠNG ĐĂNG KHOA	18/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Đông Ngũ
21	86032	LÝ THỊ MINH NGUYỆT	12/11/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên
22	86033	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	02/3/2010	Thừa Thiên Huế	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
23	86034	TÔ NHƯ QUỲNH	28/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Đông Ngũ
24	86037	NGUYỄN THÚY HÀ	30/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,75	K. Khích	THCS Tiên Lãng
25	86039	PHẠM DIỆU HÂN	01/8/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	TH&THCS Yên Than
26	86040	TRẦN THỊ NGỌC HOÀN	01/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	13,25	K. Khích	THCS Hải Lạng
27	86041	TRỊNH GIA HƯNG	06/3/2011	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,75	K. Khích	THCS Hải Lạng
28	86044	PHẠM GIA LINH	23/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Hải Lạng
29	86045	HÀ HOÀNG TRÀ MY	30/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,75	K. Khích	THCS&THPT Hải Đông
30	86047	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	11/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	THCS &THPT Tiên Yên
31	86049	TÔ HOÀI NHIÊN	21/02/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Hải Lạng
32	86050	ĐOÀN NAM PHONG	18/6/2011	Hà Nội	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	18,00	Nhất	THCS &THPT Tiên Yên
33	86051	NGUYỄN VŨ PHONG	16/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,75	K. Khích	THCS Hải Lạng
34	86052	LỤC DANH QUYẾT	07/12/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	12,75	K. Khích	THCS Hải Lạng
35	86053	NÈNH THỊ QUỲNH	13/7/2010	Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,50	Nhì	THCS&THPT Hải Đông
36	86054	TÔ THỊ THANH THÚY	05/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	THCS Đông Ngũ
37	86055	HÀ HUYỀN TRANG	21/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	Ba	THCS&THPT Hải Đông
38	86056	BÙI THỊ CẨM TÚ	19/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	LS&ĐL (Lịch sử)	16,00	Nhì	THCS Đông Ngũ
39	86057	TRẦN THỊ CẨM TÚ	30/3/2010	Bình Dương	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	K. Khích	TH&THCS Đồng Rui
40	86058	PHẠM HOÀNG BÁCH	25/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	14,30	Ba	THCS&THPT Tiên Yên
41	86059	LÊ KHÁNH HUY	01/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,60	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
42	86060	NGUYỄN QUANG VINH	20/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	15,30	Nhì	THCS&THPT Tiên Yên
43	86061	NÌNH THỊ CAM	26/9/2011	Quảng Ninh	Sán Chỉ	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	PTDT nội trú THCS và THPT Tiên Yên
44	86063	NGUYỄN THỊ YẾN CHI	17/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	K. Khích	TH&THCS Đồng Rui
45	86064	ĐỖ NGUYỄN HƯƠNG GIANG	09/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	12,75	Ba	THCS Đông Ngũ
46	86065	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	25/5/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	THCS Phong Dụ
47	86066	ĐỖ THỦY HÂN	01/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	K. Khích	THCS Tiên Lãng
48	86067	CHU LÊ MAI HƯƠNG	22/6/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	13,00	Ba	THCS Hải Lạng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
49	86068	NGUYỄN KIỀU LINH	21/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Hải Lạng
50	86069	TÔ KHÁNH LY	21/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	GDCD	13,00	Ba	THCS Đông Ngũ
51	86070	HOÀNG KIM NGÂN	15/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
52	86071	ĐÀO HÀ BÍCH NGỌC	05/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,00	K. Khích	THCS&THPT Tiên Yên
53	86072	KỲ NGỌC NHI	27/3/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	12,75	Ba	THCS Tiên Lãng
54	86073	TRẦN THỊ THẢO	25/11/2010	Quảng Ninh	Tày	Nữ	9B	GDCD	13,50	Nhì	THCS Đông Ngũ
55	86074	PHÍ QUỲNH TRANG	17/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,25	Nhất	THCS&THPT Tiên Yên
56	86075	TRẦN THANH TUYỀN	23/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,50	Nhất	THCS&THPT Tiên Yên
57	86076	CAM THỊ KHÁNH VY	12/02/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	12,50	Ba	THCS&THPT Tiên Yên

(Danh sách trên có 57 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 87-Phòng GDDT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	87008	BÙI DUY QUÂN	20/08/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	LS&ĐL (Lịch sử)	13,75	Ba	THCS Thị Trấn Cô Tô
2	87011	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	20/08/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	THCS Đồng Tiến
3	87016	ĐINH THỊ MẾN	29/09/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Đồng Tiến
4	87019	BÙI TIẾN TÂM	06/05/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Đồng Tiến
5	87022	ĐỖ ANH THU	13/05/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Thị Trấn Cô Tô
6	87023	NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN	16/08/2010	Nam Định	Kinh	Nữ	9A	GDCD	12,50	Ba	THCS Thị Trấn Cô Tô
7	87024	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	01/03/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Đồng Tiến

(Danh sách trên có 7 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 88-Phòng GDDT Vân Đồn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	88001	VŨ HUY HOÀNG	24/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	11,25	Ba	THCS thị trấn Cái Ròng
2	88008	VŨ GIA LINH	19/9/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9A1	KHTN (Vật lí)	11,00	Ba	THCS thị trấn Cái Ròng
3	88009	ĐOÀN NHÂN CHÍNH	05/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tin học	12,50	Ba	THCS Đông Xá
4	88011	BÙI HÀ ANH	03/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
5	88012	LÊ THU HÀ	18/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	11,75	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
6	88013	LUU THU HOÀI	18/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nur	8A1	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
7	88014	TRƯƠNG THU HUYỀN	06/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Thị trấn Cái Ròng
8	88016	NGUYỄN TÂM LOAN	15/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	14,50	Nhì	THCS Đông Xá
9	88017	NGUYỄN NGỌC MINH	15/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	12,00	K. Khích	THCS Đông Xá
10	88020	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	16/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Đông Xá
11	88022	ÂU ANH THƠ	25/01/2010	Quảng Ninh	Nùng	Nữ	9A2	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Hạ Long
12	88024	TÙ BẢO TRÂM	20/10/2010	Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	9A2	Ngữ văn	13,75	Nhì	THCS Đông Xá
13	88026	CHU VĂN AN	21/5/2010	Hà Nội	Kinh	Nam	9A3	LS&DL (Lịch sử)	13,50	Ba	THCS Đông Xá
14	88029	PHẠM HOÀNG HIỆP	18/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	LS&DL (Địa lí)	13,50	K. Khích	THCS Đông Xá
15	88031	NGUYỄN THÀNH LONG	20/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	LS&DL (Địa lí)	13,00	K. Khích	THCS thị trấn Cái Ròng
16	88032	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	23/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	LS&DL (Địa lí)	14,50	Ba	THCS Hạ Long
17	88038	NGUYỄN THANH ĐỨC	23/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Tiếng Anh	14,00	K. Khích	THCS Thị trấn Cái Ròng
18	88040	HOÀNG ĐỨC TOÀN	09/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Tiếng Anh	16,10	Nhì	THCS Đông Xá
19	88044	BÙI BẢO LONG	19/7/2011	Đồng Nai	Kinh	Nam	8A1	GDCD	13,00	Ba	THCS Hạ Long

(Danh sách trên có 19 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/03/2025

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Đơn vị: 89-Phòng GDDT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	89005	TRẦN HOÀNG THANH HẢI	14/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	11,75	Ba	THCS Cẩm Thành
2	89011	LUU TRỌNG KHÔI	10/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	12,75	Ba	THCS Chu Văn An
3	89012	NGUYỄN ĐỖ TUẤN KIẾT	04/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	19,00	Nhất	THCS Chu Văn An
4	89017	NGUYỄN ĐỨC BẢO NAM	26/3/2010	Bắc Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
5	89019	KHUẤT HOÀNG KHÁNH NHI	02/8/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Toán	13,00	Nhì	THCS Mông Dương
6	89022	ĐOÀN MINH QUÂN	26/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Bái Tử Long
7	89029	ĐÀO GIA BẢO	26/9/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	KHTN (Hóa học)	12,50	Ba	THCS Chu Văn An
8	89030	LÊ GIA BẢO	01/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
9	89033	CHÂM HỒNG DIỆP	15/11/2010	Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	9	KHTN (Vật lí)	12,75	Ba	THCS Thống Nhất
10	89034	ĐÀO NGỌC DIỆP	12/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Suối Khoáng
11	89036	NGUYỄN PHẠM THUY DƯƠNG	27/01/2011	Thái Bình	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	14,75	Nhì	THCS Chu Văn An
12	89039	PHẠM NGỌC HẢI	16/6/2010	Hải Phòng	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	14,00	Nhì	THCS Chu Văn An
13	89041	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	31/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Bái Tử Long
14	89042	VŨ VIỆT MINH HOÀN	23/11/2010	Hải Dương	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Cẩm Sơn
15	89043	TRẦN GIA HUY	20/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Cẩm Sơn
16	89045	PHẠM KHÁNH HUYỀN	07/02/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	13,75	Ba	THCS Cẩm Sơn
17	89048	ĐẶNG GIA KHÁNH	26/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	12,75	Ba	THCS Chu Văn An
18	89050	LÂM TẤN KHÔI	07/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	16,25	Nhì	THCS Bái Tử Long
19	89051	VŨ ĐỨC KIÊN	12/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	16,00	Nhì	THCS Chu Văn An
20	89052	DƯƠNG HOÀNG LÂM	04/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	18,25	Nhất	THCS Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
21	89053	ĐOÀN VĂN ĐỨC LÂM	10/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	12,50	Ba	THCS Chu Văn An
22	89054	NGUYỄN HÀ LINH	05/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Bái Tử Long
23	89056	ĐỖ THẢO MY	15/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	16,00	Nhì	THCS Cửa Ông
24	89057	NGUYỄN BẢO NGÂN	29/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Cẩm Thành
25	89059	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	11/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	12,75	Ba	THCS Mông Dương
26	89060	VƯƠNG BẢO NGỌC	20/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	13,50	Ba	THCS Mông Dương
27	89062	ĐOÀN KHÔI NGUYỄN	25/11/2010	Khánh Hòa	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	13,00	Ba	THCS Cẩm Thành
28	89065	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	25/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Suối Khoáng
29	89066	PHÍ HỒNG NHUNG	05/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,00	K. Khích	THCS Chu Văn An
30	89067	PHẠM NGỌC GIA NHƯ	23/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	17,50	Nhất	THCS Chu Văn An
31	89068	ĐỖ VŨ PHONG	29/11/2011	Tuyên Quang	Kinh	Nam	8	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
32	89069	NGUYỄN VĂN ĐẠI PHONG	17/01/2010	Nghệ An	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	13,25	Ba	THCS Mông Dương
33	89070	TRẦN THỊ TÚ PHƯƠNG	10/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Vật lí)	10,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
34	89074	TRẦN THÁI SƠN	30/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	13,25	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
35	89075	PHẠM DUY TÂN	14/7/2010	Hải Dương	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	10,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
36	89076	LÂM CHÍ THÀNH	04/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	11,75	K. Khích	THCS Bái Tử Long
37	89077	NGUYỄN VŨ THU THẢO	30/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	14,50	Nhì	THCS Quang Hanh
38	89079	NGUYỄN THỊ THANH THUỶ	04/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	11,25	K. Khích	THCS Mông Dương
39	89088	PHẠM MINH VŨ	21/5/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	KHTN (Vật lí)	12,00	Ba	THCS Chu Văn An
40	89091	PHẠM MINH VY	06/11/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
41	89093	ĐẶNG ĐỨC DƯƠNG	14/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	9,46	K. Khích	THCS Bái Tử Long
42	89094	PHẠM THỊ THANH HOA	25/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tin học	8,71	K. Khích	THCS Trọng Điểm
43	89095	NGUYỄN MINH HOÀNG	03/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	14,33	Nhì	THCS Chu Văn An
44	89096	BÙI GIA KHANG	07/9/2010	Hải Phòng	Kinh	Nam	9	Tin học	11,39	Ba	THCS Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
45	89098	NGUYỄN TÙNG LÂM	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,18	Ba	THCS Cửa Ông
46	89099	NGUYỄN THÀNH LONG	29/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	9,04	K. Khích	THCS Chu Văn An
47	89100	NGUYỄN TUẤN PHONG	23/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	10,91	Ba	THCS Chu Văn An
48	89101	ĐỖ TRUNG SƠN	20/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	17,09	Nhất	THCS Chu Văn An
49	89102	PHẠM TÚ TRINH	28/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tin học	10,74	Ba	THCS Trọng Điểm
50	89103	CHU LÂM TÂY ANH	30/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Cẩm Sơn
51	89104	NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	11/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Chu Văn An
52	89107	ĐỖ GIA HÂN	28/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Chu Văn An
53	89109	NGUYỄN THỊ HIỀN	30/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,25	Nhì	THCS Suối Khoáng
54	89110	ĐẶNG HÀ LINH	04/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,25	Nhì	THCS Cẩm Sơn
55	89111	VŨ KHÁNH LINH	08/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Suối Khoáng
56	89112	LÊ THỊ THANH MAI	04/11/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Suối Khoáng
57	89113	LUU QUỲNH MAI	07/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Cẩm Thịnh
58	89118	TỔNG THỊ HỒNG NHUNG	27/7/2010	Quảng Ninh	Sán đìu	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Chu Văn An
59	89119	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	10/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Chu Văn An
60	89120	HOÀNG THU THẢO	18/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Suối Khoáng
61	89121	LÊ PHƯƠNG THẢO	29/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
62	89122	ĐÀO ANH THU	07/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
63	89123	LUU ANH THU	08/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Cẩm Sơn
64	89129	NGUYỄN BẢO ANH	16/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Chu Văn An
65	89130	HOÀNG THÁI BẢO	27/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,50	Ba	TH&THCS Dương Huy
66	89132	NGUYỄN NGỌC DIỆP	15/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Cẩm Thành
67	89133	PHẠM TRỌNG DOANH	26/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Lịch sử)	10,75	K. Khích	THCS Bái Tử Long
68	89143	HOÀNG DIỆP MỸ LAN	28/01/2010	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	TH&THCS Cộng Hòa

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
69	89144	NGUYỄN QUANG LÂM	20/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Chu Văn An
70	89145	PHẠM THỊ MAI LIÊN	27/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	THCS Chu Văn An
71	89147	LÙ UYÊN LINH	13/02/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	TH&THCS Cộng Hòa
72	89151	VŨ THÙY LINH	26/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	K. Khích	THCS Chu Văn An
73	89154	TRẦN NHẬT MINH	12/8/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Chu Văn An
74	89159	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	05/4/2011	Phú Thọ	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Quang Hanh
75	89164	VŨ KIM OANH	21/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Chu Văn An
76	89168	HOÀNG ĐIỆP MỸ TÂM	28/01/2010	Quảng Ninh	Sán Diu	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	TH&THCS Cộng Hòa
77	89176	NGUYỄN THỊ THANH VŨ	07/12/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,75	Ba	THCS Mông Dương
78	89177	NGUYỄN ĐỨC ANH	04/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	15,90	Ba	THCS Cẩm Thành
79	89179	NGUYỄN THANH BÌNH	12/12/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	Tiếng Anh	17,30	Nhất	THCS Cẩm Thành
80	89180	PHẠM BẢO CHÂU	13/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,70	K. Khích	THCS Chu Văn An
81	89181	NGUYỄN NAM CƯỜNG	12/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	15,20	K. Khích	THCS Thống Nhất
82	89182	VŨ NHẬT DUNG	15/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,60	Nhì	THCS Chu Văn An
83	89183	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	10/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,60	K. Khích	THCS Mông Dương
84	89186	BÙI MAI HIỀN	04/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,10	Ba	THCS Trọng Điểm
85	89189	NGUYỄN ANH KHOA	02/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,20	K. Khích	THCS Trọng Điểm
86	89190	NGUYỄN ĐỨC KHOA	05/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,50	K. Khích	THCS Bái Tử Long
87	89191	NGUYỄN BẢO LINH	21/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,30	Nhì	THCS Chu Văn An
88	89193	DƯƠNG TUẤN MINH	06/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,10	Ba	THCS Trọng Điểm
89	89194	NGUYỄN HIỆU MINH	26/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,30	K. Khích	THCS Trọng Điểm
90	89196	NGUYỄN HÀ NGÂN	13/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	14,60	K. Khích	THCS Chu Văn An
91	89197	NGUYỄN LINH NGỌC	30/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	17,30	Nhất	THCS Chu Văn An
92	89200	VŨ VĂN THÀNH	11/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	17,10	Nhì	THCS Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
93	89203	NGUYỄN ĐỨC THÀNH VINH	07/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,10	Ba	THCS Chu Văn An
94	89204	ĐẶNG HÀ ANH	09/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	15,25	Nhất	THCS Chu Văn An
95	89205	HÀ THỊ PHƯƠNG ANH	14/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	TH&THCS Cộng Hòa
96	89206	VŨ QUỲNH ANH	30/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Nam Hải
97	89207	TRẦN DIỆU CHÂU	27/3/2012	Hải Dương	Kinh	Nữ	7	GDCD	13,50	Ba	THCS Chu Văn An
98	89208	BÙI NGUYỄN KHÁNH CHI	14/9/2011	Thái Bình	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Ngô Quyền
99	89209	PHẠM PHƯƠNG DUNG	28/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Chu Văn An
100	89210	VŨ HƯƠNG GIANG	30/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Chu Văn An
101	89211	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	16/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Bái Tử Long
102	89213	PHẠM MINH HƯƠNG	28/7/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	15,00	Nhì	THCS Chu Văn An
103	89214	BÙI HỒNG KIM	16/4/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Chu Văn An
104	89215	LƯƠNG THỊ NGỌC LÂM	20/6/2011	Đồng Nai	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Cửa Ông
105	89216	LÝ THỊ HÀ LY	09/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	K. Khích	TH&THCS Cẩm Hải
106	89218	VŨ HOÀNG HÀ MY	03/01/2012	Nam Định	Kinh	Nữ	7	GDCD	15,00	Nhì	THCS Chu Văn An
107	89219	ĐẶNG NGỌC NGÂN	12/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Bái Tử Long
108	89222	BÙI KHẮC PHÚ	23/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Ngô Quyền
109	89225	NGUYỄN THU QUỲNH	15/5/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	16,25	Nhất	THCS Chu Văn An
110	89227	KHÚC BẢO TRÂN	11/12/2012	Thái Bình	Kinh	Nữ	7	GDCD	15,25	Nhất	THCS Chu Văn An
111	89228	PHAN THỊ THU TUYỀN	05/8/2011	Hải Dương	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Cẩm Sơn

(Danh sách trên có 111 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 06/03/2025

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Đơn vị: 90-Phòng GDĐT Hạ Long (A)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90003	ĐÀO NGỌC BÁCH	31/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
2	90005	LÊ TRẦN DUY ĐỨC	17/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A6	Toán	13,75	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
3	90008	PHẠM NGÂN HÀ	06/02/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
4	90009	BÙI ĐỨC HIẾU	22/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
5	90010	NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A11	Toán	10,75	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
6	90011	QUÁCH ĐÌNH GIA HIẾU	03/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A6	Toán	12,50	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
7	90014	VŨ NGUYỄN ĐỨC HUY	19/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
8	90015	NGUYỄN MẠNH HÙNG	09/8/2010	Hà Nội	Kinh	Nam	9	Toán	13,75	Nhì	THCS Trọng Điểm
9	90016	NGUYỄN GIA KHÁNH	24/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
10	90017	TẠ DUY KHOA	12/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
11	90019	TRẦN ĐÌNH LONG	29/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
12	90020	BÙI THÙY MINH	16/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
13	90022	MAI NGỌC MINH	15/6/2010	Hải Phòng	Kinh	Nam	9	Toán	12,75	Ba	THCS Bãi Cháy
14	90023	PHÍ GIA MINH	01/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
15	90025	VŨ QUẾ MINH	13/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,00	Ba	THCS Trọng Điểm
16	90026	NGUYỄN TẠ KHÔI NGUYỄN	07/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
17	90028	ĐÌNH HẢI PHONG	13/6/2010	Bắc Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,75	Nhì	THCS Việt Hưng
18	90029	NGUYỄN ĐAN PHONG	26/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
19	90030	BÙI BÁ PHÚ	16/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A6	Toán	11,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
20	90031	ĐẶNG NGUYỄN QUANG	08/9/2010	Adelaide - Úc	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
21	90032	NGUYỄN ĐÀO ĐOAN TRANG	08/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
22	90033	ĐOÀN ANH TUẤN	23/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
23	90034	ĐOÀN TIẾN VIỆT	20/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
24	90035	NGUYỄN THẾ VINH	13/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A4	Toán	11,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	90037	ĐOÀN NGỌC MAI ANH	12/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	14,00	Nhì	THCS Hồng Hải
26	90040	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	30/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
27	90042	NGUYỄN TUỜNG ANH	23/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	17,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
28	90044	NGUYỄN NGỌC ÁNH	18/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	11,75	K. Khích	THCS Việt Hưng
29	90053	ĐẬU HƯƠNG DUYÊN	06/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	12,50	Ba	THCS Nguyễn Văn Thuộc
30	90055	PHAN TIẾN ĐẠT	02/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
31	90058	ĐỒNG HOÀNG NGỌC HÀ	09/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	12,25	Ba	THCS Trọng Điểm
32	90059	ĐỖ THANH HÀ	20/9/2010	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	14,75	Ba	THCS Trọng Điểm
33	90060	LƯƠNG MINH HÀ	17/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
34	90062	ĐỖ QUANG HẢI	05/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	14,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
35	90064	TẠ NGỌC HIẾU	24/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	9,75	K. Khích	THCS Bãi Cháy
36	90068	LÊ QUANG HUY	10/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	15,75	Nhì	THCS Trọng Điểm
37	90069	LƯƠNG GIA HUY	21/01/2011	Nam Định	Kinh	Nam	8	KHTN (Vật lí)	12,00	Ba	THCS Trọng Điểm
38	90070	PHẠM QUANG HUY	11/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	16,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
39	90071	VŨ ĐÌNH HUY	09/4/2011	Nam Định	Kinh	Nam	8	KHTN (Vật lí)	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
40	90074	TRẦN AN HƯNG	31/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
41	90079	LÊ NGUYỄN KHANG	02/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,75	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
42	90080	CHU DUY KHÁNH	09/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	15,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
43	90081	ĐÀO BẢO KHÁNH	13/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,50	K. Khích	TH, THCS và THPT Văn Lang
44	90082	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	02/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	15,25	Nhì	THCS Trọng Điểm
45	90085	ĐÌNH LÊ ĐĂNG KHOA	28/10/2010	Hòa Bình	Kinh	Nam	9A6	KHTN (Hóa học)	13,75	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
46	90086	TRẦN ANH KHOA	17/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
47	90087	PHẠM ĐÌNH DUY KHÔI	13/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
48	90088	BÙI THỊ MINH KHUÊ	03/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Hóa học)	18,25	Nhất	THCS Trọng Điểm
49	90090	ĐỖ TUẤN LÂM	14/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	18,00	Nhất	THCS Trọng Điểm
50	90091	ĐỖ TÙNG LÂM	14/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	18,75	Nhất	THCS Trọng Điểm
51	90096	NGUYỄN QUANG LONG	30/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	13,75	Nhì	THCS Bãi Cháy
52	90099	CAO PHAN BÁ MINH	01/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	14,50	Nhì	THCS Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
53	90104	NGUYỄN QUANG MINH	25/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	11,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
54	90105	NGUYỄN VŨ MINH	10/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Hóa học)	14,00	Nhì	THCS Hồng Hải
55	90107	TRẦN NGUYỄN QUANG MINH	05/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	12,75	Ba	THCS Trọng Điểm
56	90108	LÊ HUYỀN MY	16/01/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	15,25	Nhì	TH, THCS và THPT Văn Lang
57	90110	BÙI PHAN BẢO NAM	08/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
58	90111	NGUYỄN BẢO NAM	30/6/2010	Hà Nội	Kinh	Nam	9A2	KHTN (Hóa học)	11,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
59	90112	NGUYỄN HUY NAM	30/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	12,25	Ba	THCS Trọng Điểm
60	90115	LÊ THẢO NGUYỄN	30/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Vật lí)	13,00	Ba	THCS Trọng Điểm
61	90116	PHẠM KHÁNH NGUYỄN	05/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	KHTN (Sinh học)	12,75	Ba	THCS Lý Tự Trọng
62	90126	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG THẢO	29/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,50	K. Khích	THCS Cao Xanh
63	90127	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	02/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Vật lí)	11,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
64	90128	HOÀNG THU THÚY	16/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	13,00	Ba	THCS Trới
65	90129	VŨ HOÀNG ANH THU	18/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
66	90131	PHẠM NHẬT TRUNG	22/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	12,00	Ba	THCS Trọng Điểm
67	90132	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	31/01/2010	Ninh Bình	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
68	90133	PHẠM ANH TUÂN	16/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A11	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
69	90135	HÀ XUÂN TÙNG	21/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A11	KHTN (Sinh học)	12,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
70	90137	NGUYỄN MẠNH TÙNG	03/07/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Vật lí)	10,75	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Thuộc
71	90138	PHẠM QUỐC VIỆT	28/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Vật lí)	12,25	Ba	THCS Trọng Điểm
72	90150	ĐỖ HOÀNG DŨNG	02/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Tin học	9,14	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
73	90151	HÀ THỂ DŨNG	04/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	16,36	Nhì	THCS Trới
74	90154	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	12/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tin học	9,38	K. Khích	THCS Đại Yên
75	90155	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	06/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	9,68	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
76	90159	TRẦN DUY HÙNG	11/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	8,67	K. Khích	THCS Bãi Cháy
77	90161	VŨ KHẮC TUÂN KHANG	07/01/2010	Thái Bình	Kinh	Nam	9A3	Tin học	14,78	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
78	90162	NGUYỄN XUÂN LÂM	26/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A2	Tin học	14,85	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
79	90163	PHẠM MẠNH LÂN	15/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	13,60	Nhì	THCS Bãi Cháy
80	90164	ĐOÀN HIẾU MINH	20/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,06	Ba	THCS Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
81	90165	NGUYỄN NGỌC MINH	05/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A3	Tin học	9,46	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
82	90167	PHẠM HẢI NHƯ	21/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tin học	9,21	K. Khích	THCS Trọng Điểm
83	90168	VŨ THÁI PHONG	08/07/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	10,82	Ba	THCS Nguyễn Văn Thuộc
84	90169	NGUYỄN MINH QUANG	30/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	9,73	Ba	THCS Bãi Cháy
85	90172	HÀ DƯƠNG THỤY VƯƠNG	19/09/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	8,66	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Thuộc
86	90176	PHẠM MAI ANH	11/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Việt Hưng
87	90177	VŨ TUỆ ANH	27/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
88	90180	NGUYỄN KHÁNH CHI	23/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Trọng Điểm
89	90183	PHẠM NGỌC DIỆP	08/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	Ngữ văn	14,50	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
90	90187	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	28/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
91	90189	TRẦN MAI HÀ	24/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,50	Nhì	THCS Trới
92	90191	MAI TUỆ LÂM	13/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
93	90192	TRẦN THANH LÂM	09/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
94	90193	ĐỖ ÁNH LINH	19/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
95	90194	NGUYỄN DIỆU HOÀNG LINH	04/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
96	90195	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	09/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
97	90197	PHẠM KHÁNH LINH	17/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Hùng Thắng
98	90200	NGUYỄN NGUYỆT ĐAN NHI	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
99	90201	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	20/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A11	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
100	90202	PHẠM MAI PHƯƠNG	28/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
101	90203	NGUYỄN THANH TÂM	26/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A3	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Lý Tự Trọng
102	90204	VŨ TRẦN THANH THUY	17/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Bãi Cháy
103	90205	ĐỖ NGUYỄN ANH THƯ	16/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Trọng Điểm
104	90206	TRẦN VŨ PHƯƠNG UYÊN	21/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Trọng Điểm
105	90207	PHẠM HOÀNG YẾN	15/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,75	Nhất	THCS Bãi Cháy
106	90217	NGUYỄN PHẠM THUY AN	04/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,75	Ba	THCS Trọng Điểm
107	90219	HÀ MINH ANH	08/09/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Thuộc
108	90220	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	28/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
109	90223	TRẦN ĐỨC ANH	12/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
110	90226	HỒ PHẠM BĂNG BĂNG	20/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,00	Nhì	TH,THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm
111	90228	TẠ MINH CHÂU	12/01/2010	Quảng Ninh	Sán điu	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
112	90232	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	15/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
113	90233	NGUYỄN THỊ TÂM ĐAN	30/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,75	Ba	THCS Trới
114	90234	VŨ THÀNH ĐẠT	09/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Kim Đồng
115	90235	ĐÀO ANH ĐỨC	24/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
116	90240	TRẦN THỊ THU HÀ	01/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS Cao Thắng
117	90241	PHẠM GIA HÂN	09/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	THCS Trọng Điểm
118	90242	PHẠM NGÂN HÂN	27/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	K. Khích	THCS Hùng Thắng
119	90245	HÀ KHÁNH HUYỀN	27/01/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9A2	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
120	90248	TRẦN QUỲNH HUƠNG	19/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,25	K. Khích	THCS Trọng Điểm
121	90249	TRẦN NGỌC KHÁNH	01/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,50	Nhì	TH&THCS Minh Khai
122	90252	ĐÀO PHƯƠNG LINH	02/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Trọng Điểm
123	90253	MẠC DIỆU LINH	14/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,75	Nhì	TH&THCS Minh Khai
124	90255	NGUYỄN KHÁNH LINH	27/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A2	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
125	90256	LÊ THẢO LY	23/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,00	Nhì	TH&THCS Minh Khai
126	90258	BÙI NGỌC MINH	22/9/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9A6	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
127	90260	NGUYỄN ĐỨC MINH	09/10/2010	Hải Dương	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Lê Văn Tám
128	90261	NGUYỄN TUỆ MINH	06/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	17,00	Nhì	THCS Cao Thắng
129	90262	HOÀNG YẾN NGỌC	13/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	TH,THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm
130	90263	LÊ ÁNH NGỌC	31/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,75	Nhì	THCS Trọng Điểm
131	90265	NGUYỄN VŨ KHÁNH NGỌC	21/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
132	90267	BÙI QUỲNH NHƯ	03/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Trọng Điểm
133	90269	TRƯƠNG NHƯ QUỲNH	13/7/2010	Quảng Ninh	Sán điu	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	TH&THCS Minh Khai
134	90270	LƯƠNG MINH SƠN	20/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,50	Ba	THCS Lê Văn Tám
135	90271	NGUYỄN XUÂN SƠN	15/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Trọng Điểm
136	90272	CAO TÂM THANH	30/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	LS&ĐL (Địa lí)	16,75	Nhì	THCS Lý Tự Trọng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
137	90273	NGUYỄN TUẤN THÀNH	22/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	18,25	Nhất	THCS Nguyễn Trãi
138	90275	NGUYỄN DUY THIÊN	30/08/2011	Hưng Yên	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,75	Ba	THCS Nguyễn Văn Thuộc
139	90276	BÙI THU THỦY	26/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A10	LS&ĐL (Lịch sử)	14,00	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
140	90277	ĐỖ ANH THU	29/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	LS&ĐL (Lịch sử)	14,00	Nhì	THCS Lý Tự Trọng
141	90278	NGUYỄN NGỌC HUYỀN THU	18/5/2010	Thái Bình	Kinh	Nữ	9A8	LS&ĐL (Lịch sử)	11,25	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
142	90279	VŨ MAI TRANG	20/09/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	K. Khích	THCS Cao Thắng
143	90282	NGUYỄN PHƯƠNG VY	10/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	10,75	K. Khích	THCS Trọng Điểm
144	90283	NGUYỄN TUÔNG VY	14/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	TH,THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm
145	90284	VŨ THỊ HẢI YẾN	06/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
146	90315	TRẦN NGUYỄN MINH AN	03/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,60	Ba	THCS Bãi Cháy
147	90316	BIỆN PHƯƠNG ANH	27/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,20	Ba	THCS Trọng Điểm
148	90317	PHẠM QUỲNH ANH	19/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A10	Tiếng Anh	16,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
149	90318	KIỀU GIA BẢO	18/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,20	K. Khích	THCS Kim Đồng
150	90319	NGUYỄN MINH CHÂU	28/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,20	Ba	THCS Trọng Điểm
151	90320	HÀ VIỆT CƯỜNG	13/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	17,00	Nhì	THCS Trọng Điểm
152	90321	PHẠM THÙY DƯƠNG	28/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A4	Tiếng Anh	16,00	Ba	THCS Lý Tự Trọng
153	90322	VŨ HÀ THÙY DƯƠNG	17/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,10	Ba	THCS Trọng Điểm
154	90324	HOÀNG TRỌNG ĐỨC	14/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A6	Tiếng Anh	17,00	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
155	90325	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	08/02/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,40	K. Khích	THCS Trọng Điểm
156	90326	PHẠM HƯƠNG GIANG	27/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,40	K. Khích	THCS Việt Hưng
157	90327	PHAN ĐÀO MINH HẢI	20/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,60	Nhì	TH, THCS và THPT Văn Lang
158	90328	PHẠM NGỌC HIẾU	13/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
159	90330	HOÀNG GIA HÙNG	06/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,00	Ba	THCS Bãi Cháy
160	90331	VŨ VÂN KHÁNH	06/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	Tiếng Anh	16,30	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
161	90332	TRẦN ĐỨC KHIÊM	06/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A11	Tiếng Anh	16,50	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
162	90335	BÙI LÊ MAI	04/5/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	16,60	Nhì	THCS Trọng Điểm
163	90337	LÊ BẢO MINH	31/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,10	K. Khích	THCS Trọng Điểm
164	90338	NGUYỄN QUANG MINH	02/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,20	K. Khích	THCS Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
165	90340	ĐOÀN HUYỀN MY	24/04/2010	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,80	Ba	THCS Nguyễn Văn Thuộc
166	90342	HỒ TUỆ NAM	16/07/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,70	Ba	TH&THCS Bãi Cháy 2
167	90344	VŨ THÀNH NAM	09/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,60	Nhì	THCS Lê Văn Tám
168	90345	PHẠM KHÁNH NGỌC	27/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A10	Tiếng Anh	15,90	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
169	90346	BÙI LÊ UYÊN NHI	10/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,00	K. Khích	TH&THCS Minh Khai
170	90347	ĐỖ HẢI PHONG	02/11/2010	Ninh Bình	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,00	K. Khích	THCS Lê Văn Tám
171	90348	VŨ NGUYỄN HOÀNG QUÂN	24/11/2010	Thái Nguyên	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,00	K. Khích	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông
172	90349	PHẠM THÀNH TRUNG	08/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,90	Ba	THCS Trọng Điểm
173	90359	PHÍ VŨ NGỌC BÍCH	09/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	18,10	Nhất	THPT Hòn Gai
174	90366	ĐỖ KHÁNH HÒA	11/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,05	Nhì	THPT Hòn Gai
175	90367	NGUYỄN MINH HÙNG	30/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	17,40	Nhì	THPT Hòn Gai
176	90368	VŨ TIẾN HÙNG	12/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	15,85	Ba	THPT Hòn Gai
177	90369	TÔ HOÀNG HUY KHÁNH	21/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	16,05	Ba	THPT Hòn Gai
178	90370	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	22/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	14,60	K. Khích	THPT Hòn Gai
179	90371	NGUYỄN HÀ LINH	16/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,70	K. Khích	THPT Hòn Gai
180	90372	ĐẶNG XUÂN MAI	15/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,75	K. Khích	THPT Hòn Gai
181	90374	ĐỖ NGỌC MINH	24/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	15,50	Ba	THPT Hòn Gai
182	90375	MAI GIA MINH	12/4/2010	Hải Phòng	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	15,60	Ba	THPT Hòn Gai
183	90377	VŨ HÀ MY	02/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,60	Ba	THPT Hòn Gai
184	90379	VŨ KHÁNH NGỌC	21/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,80	K. Khích	THPT Hòn Gai
185	90380	HỒ SỸ KHÔI NGUYỄN	14/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	14,00	K. Khích	THPT Hòn Gai
186	90381	ĐỒNG BẢO QUYÊN	09/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	14,20	K. Khích	THPT Hòn Gai
187	90382	NGUYỄN THÁI UYÊN THU	19/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,00	Nhì	THPT Hòn Gai
188	90385	ĐẶNG TÂM AN	08/9/2010	Adelaide - Úc	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	13,10	Ba	THCS Hồng Hải
189	90386	BÙI TRÂM ANH	27/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
190	90388	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	03/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,65	K. Khích	THCS Trọng Điểm
191	90393	NGUYỄN BẢO HÀ	18/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A8	Tiếng Trung Quốc	11,10	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
192	90394	NGUYỄN MINH THANH HÀ	20/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,00	K. Khích	TH&THCS Tuần Châu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
193	90397	LÙNG NGỌC HUYỀN	14/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,45	K. Khích	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông
194	90401	VŨ MAI LINH	08/04/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,60	Ba	TH&THCS Bãi Cháy 2
195	90403	HÀN KIM BẢO NGÂN	08/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,80	K. Khích	THCS Trọng Điểm
196	90408	TRẦN HÀ PHƯƠNG	26/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Tiếng Trung Quốc	12,15	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
197	90410	ZENG THI SAN	08/5/2010	Quảng Ninh	Hán	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	14,00	Ba	Quốc tế Song ngữ Học viện Anh Quốc UK Academy
198	90412	TRẦN KHÁNH THI	31/10/2010	Quảng Ninh	Hán	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,70	K. Khích	THCS Trọng Điểm
199	90413	ĐOÀN NGUYỄN ANH THU	06/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,20	K. Khích	THCS Trọng Điểm
200	90419	VŨ PHƯƠNG VY	16/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,50	K. Khích	THCS Trọng Điểm
201	90420	HOÀNG NGỌC ANH	02/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,25	Ba	TH, THCS & THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
202	90425	NGUYỄN NHẬT ANH	05/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	TH, THCS & THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
203	90435	QUÁCH THỊ BẢO HÂN	03/02/2011	Hưng Yên	Kinh	Nữ	8A2	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Lý Tự Trọng
204	90437	TRẦN THỊ HUYỀN	06/9/2011	Nghệ An	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	K. Khích	TH&THCS Nguyễn Viết Xuân
205	90441	TẠ THU NGÂN	24/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,25	Nhì	THCS Trới
206	90442	VŨ THẢO NGUYỄN	18/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Trới
207	90451	ĐỖ PHƯƠNG THÚY	20/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Trọng Điểm
208	90453	VI THỦY TIÊN	30/3/2011	Quảng Ninh	Tày	Nữ	8A2	GDCD	13,25	Ba	THCS Lý Tự Trọng
209	90454	NGUYỄN MINH TRANG	15/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Trới

(Danh sách trên có 209 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 91-Phòng GDĐT Hạ Long (B)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90142	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	13/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	16,50	Ba	THCS Lê Lợi
2	90285	NGUYỄN QUỲNH ANH	28/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,50	Nhì	THCS&THPT Quảng La
3	90286	NGUYỄN THÙY DIU	23/5/2011	Hà Nội	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	12,75	K. Khích	TH&THCS Vũ Oai
4	90287	ĐỖ MINH ĐỨC	09/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Lịch sử)	12,75	Ba	TH&THCS Thống Nhất
5	90289	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	16/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	16,50	Nhất	TH&THCS Thống Nhất
6	90290	TRIỆU NGỌC HÂN	17/11/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS&THPT Quảng La
7	90298	HÀ THẢO MY	31/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	Ba	TH&THCS Thống Nhất
8	90306	NGUYỄN MINH QUÂN	04/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	LS&ĐL (Địa lí)	13,25	K. Khích	THCS Lê Lợi
9	90310	TRỊNH KHÁNH THY	06/02/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	Nhì	TH&THCS Tân Dân
10	90352	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	08/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	12,40	K. Khích	TH&THCS Thống Nhất
11	90457	HOÀNG NGUYỄN NGỌC HÀ	01/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,75	K. Khích	THCS Lê Lợi
12	90465	TRẦN PHƯƠNG LINH	03/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,75	Ba	THCS&THPT Quảng La
13	90466	TRẦN THỊ KIỀU LY	16/12/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Bằng Cả
14	90467	NGUYỄN HÀ MY	30/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,75	K. Khích	THCS&THPT Quảng La
15	90468	CHU THỊ BÍCH NGỌC	14/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Dân Chủ - Quảng La
16	90469	ĐINH KHÔI NGUYỄN	11/7/2011	Quảng Ninh	Tày	Nam	8	GDCD	14,00	Nhì	TH&THCS Dân Chủ - Quảng La
17	90470	ĐẶNG THỊ YẾN	04/12/2010	Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	TH&THCS Bằng Cả
18	90473	BÙI BẢO VI	15/5/2011	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8	GDCD	12,75	Ba	TH&THCS Vũ Oai

(Danh sách trên có 18 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 92-Phòng GDĐT Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	91005	DƯƠNG ANH KHA	15/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,25	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
2	91009	BÙI NHẬT MINH	28/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Tân An
3	91011	PHẠM NHẬT MINH	05/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,50	Ba	THCS Minh Thành
4	91012	HÀ QUANG NHẬT	28/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,00	K. Khích	TH&THCS Phong Cốc
5	91013	NGUYỄN TRẦN YẾN NHI	30/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Phong Hải
6	91014	NGUYỄN PHẠM ANH THƠ	25/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	THCS Minh Thành
7	91015	LƯƠNG MINH TÙNG	13/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
8	91017	NGUYỄN NHẬT AN	03/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	14,00	Ba	THCS Sông Khoai
9	91018	BÙI TUYẾT ANH	20/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Sinh học)	12,25	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
10	91019	NGUYỄN QUỲNH ANH	27/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	KHTN (Sinh học)	13,25	Ba	THCS Minh Thành
11	91022	NGUYỄN HUY ĐẠT	18/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	17,25	Nhì	THCS Minh Thành
12	91024	VŨ THÀNH ĐẠT	14/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,00	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
13	91025	DƯƠNG ANH ĐỨC	07/5/2010	Ninh Bình	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lý)	11,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
14	91027	VŨ HUY HÙNG	24/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	12,50	K. Khích	THCS Minh Thành
15	91028	NGUYỄN NAM KHÁNH	03/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
16	91029	VŨ CHÍ KIÊN	25/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	12,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
17	91031	BÙI VŨ THUỶ LINH	11/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	13,00	Ba	THCS Minh Thành
18	91036	PHẠM MINH QUÂN	28/8/2010	Thanh Hóa	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	13,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
19	91037	NGUYỄN BẢO SƠN	10/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	16,00	Nhì	TH&THCS Phong Cốc

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
20	91038	NGUYỄN HUY THÀNH	18/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	17,50	Nhì	THCS Minh Thành
21	91039	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	02/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	11,50	K. Khích	THCS Cộng Hòa
22	91040	ĐINH KHẮC THÁI	14/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	14,75	Ba	THCS Hiệp Hòa
23	91042	ĐỖ QUỐC TUẤN	18/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,00	K. Khích	TH&THCS Tiền Phong
24	91044	TÔ HẢI BÌNH	14/12/2013	Quảng Ninh	Kinh	Nam	6	Tin học	11,34	Ba	THCS Minh Thành
25	91045	HOÀNG KHÁNH GIANG	30/3/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	Tin học	9,28	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
26	91046	HỒ VĨNH GIA HUY	28/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	14,91	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
27	91052	BÙI VĂN DŨNG	11/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Hà An
28	91053	BÙI ĐÌNH ĐÌNH	01/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
29	91054	BÙI PHƯƠNG HÀ	13/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
30	91055	NGUYỄN KHÁNH HÀ	29/5/2010	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Hà An
31	91056	ĐINH THỊ MINH HUỆ	10/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
32	91057	VŨ THANH HUYỀN	29/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Hiệp Hòa
33	91058	NGUYỄN KHÁNH LY	21/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,75	K. Khích	TH&THCS Sông Khoai
34	91060	TRẦN THỊ TRÀ MY	26/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Lê Quý Đôn
35	91064	NGUYỄN HUYỀN PHƯƠNG	11/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
36	91065	CAO THỊ NHƯ QUỲNH	22/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Hà An
37	91067	LÊ THỊ THANH TÚ	26/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
38	91068	CAO MAI ANH	20/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	15,25	Nhất	TH&THCS Tiền Phong
39	91069	ĐÀM THỊ QUỲNH ANH	16/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
40	91070	LÊ THỊ QUỲNH ANH	09/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
41	91073	PHẠM THÁI DƯƠNG	06/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
42	91074	VĂN HỮU BẢO ĐÔNG	13/5/2010	Bắc Giang	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
43	91079	NGUYỄN MINH KHUÊ	17/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
44	91080	ĐINH XUÂN LÂM	31/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Sông Khoai
45	91081	NGÔ KHÁNH LINH	31/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	K. Khích	THCS Liên Vị
46	91084	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	12/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	13,00	Ba	THCS Lê Quý Đôn
47	91085	PHẠM KHÁNH LINH	17/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,00	K. Khích	THCS Tiền An
48	91090	NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	21/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Lê Quý Đôn
49	91093	NGÔ MAI PHƯƠNG	07/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,25	K. Khích	THCS Phong Hải
50	91099	VŨ THỊ BÍCH THẢO	16/8/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	15,75	Ba	THCS Sông Khoai
51	91100	ĐINH THỊ NGỌC TRÂM	21/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Hiệp Hòa
52	91107	VŨ THÚY VÂN	01/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,50	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
53	91112	ĐOÀN THỊ BAN MAI	23/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,50	K. Khích	THCS Tân An
54	91114	NGUYỄN VŨ TÙNG	16/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,60	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn
55	91115	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	26/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Minh Thành
56	91116	NGUYỄN THỊ MAI ANH	01/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,25	Nhì	THCS Liên Hoà
57	91117	NGUYỄN ĐỨC LINH CHI	23/5/2011	Hà Nội	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,25	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
58	91118	BÙI THỊ CÚC	07/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	K. Khích	THCS Liên Vị
59	91120	LÊ TÙNG DƯƠNG	10/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Hà An
60	91121	NGUYỄN THÚY DƯƠNG	25/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Minh Thành
61	91122	PHÙNG TÂM GIANG	28/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Minh Thành
62	91125	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	24/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Liên Hoà
63	91126	PHẠM KHÁNH LINH	13/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
64	91127	NGÔ BẢO NGỌC	05/02/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
65	91128	TRẦN HỒNG NGỌC	29/01/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	12,75	K. Khích	THCS Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
66	91129	NGUYỄN HUY PHONG	22/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn
67	91130	TRẦN TỐ QUYÊN	07/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,75	Ba	THCS Liên Hoà
68	91131	MAI THANH TÂM	05/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	K. Khích	THCS Trần Hưng Đạo
69	91132	ĐỖ THỊ VÂN THẢO	19/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,25	Nhì	THCS Liên Hoà
70	91133	LÊ THỊ THẢO	16/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	K. Khích	TH&THCS Cẩm La
71	91134	PHẠM VÂN THÙY	26/01/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	13,50	Ba	THCS Lê Quý Đôn
72	91135	VŨ HUYỀN TRANG	07/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,25	Ba	THCS Hiệp Hoà
73	91138	LÊ KIM HẠ VY	25/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Lê Quý Đôn

(Danh sách trên có 73 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 93-Phòng GDĐT Ưông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	92001	TRẦN MINH ANH	16/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Toán	14,25	Nhì	THCS Trung Vương
2	92002	NGÔ ĐỨC ĐẠT	02/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	14,25	Nhì	THCS Trung Vương
3	92003	BÙI MINH ĐỨC	20/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	16,75	Nhất	THCS Nguyễn Trãi
4	92004	VŨ ANH ĐỨC	07/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A5	Toán	10,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
5	92005	VŨ QUANG HẢI	23/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	13,25	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
6	92007	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	26/8/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	Toán	12,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
7	92008	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	08/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	Toán	11,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
8	92009	NGÔ MAI KHUÊ	20/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Toán	12,00	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
9	92010	DƯƠNG ĐỨC MINH	05/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	Toán	16,25	Nhất	THCS Trần Quốc Toàn
10	92011	ĐÀO TIẾN THỊNH	29/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	Toán	13,50	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
11	92012	TRẦN NGỌC TUẤN	16/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	11,50	Ba	THCS Nguyễn Trãi
12	92013	LÊ HOÀNG TÙNG	09/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Toán	11,50	Ba	THCS Nguyễn Trãi
13	92015	NGUYỄN THU ANH	28/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
14	92016	TƯỜNG HOÀNG ANH	31/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A6	KHTN (Sinh học)	13,00	Ba	THCS Phương Đông
15	92017	VŨ ĐỨC ANH	13/9/2010	Hải Phòng	Kinh	Nam	9A6	KHTN (Vật lí)	12,50	Ba	THCS Nguyễn Trãi
16	92018	BÙI NGỌC DIỆP	31/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A7	KHTN (Hóa học)	14,75	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
17	92020	LÊ THÁI DŨNG	11/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	KHTN (Vật lí)	10,00	K. Khích	THCS Trung Vương
18	92022	PHẠM HÀ ĐAN	10/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
19	92024	ĐỖ THIỆN MINH ĐĂNG	25/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	KHTN (Hóa học)	12,25	Ba	THCS Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
20	92025	TRẦN HẢI ĐĂNG	02/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	KHTN (Vật lí)	14,00	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
21	92026	HOÀNG MINH HIẾU	14/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	KHTN (Sinh học)	13,75	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
22	92027	NGUYỄN MINH HIẾU	18/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A3	KHTN (Vật lí)	14,50	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
23	92029	ĐỖ XUÂN HƯNG	08/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A8	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Trần Quốc Toàn
24	92030	TRẦN VÂN KHÁNH	29/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	KHTN (Sinh học)	12,50	K. Khích	Thực hành sư phạm
25	92033	NGUYỄN HẢI LINH	08/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A5	KHTN (Sinh học)	17,75	Nhất	THCS Phương Đông
26	92035	PHẠM NGỌC LƯƠNG	09/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A7	KHTN (Vật lí)	10,75	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
27	92036	HOÀNG THANH MAI	20/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A6	KHTN (Hóa học)	13,25	Ba	THCS Phương Đông
28	92037	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	11/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A3	KHTN (Vật lí)	13,00	Ba	THCS Nguyễn Trãi
29	92039	NGUYỄN TẤN PHÁT	04/12/2010	Nam Định	Kinh	Nam	9A8	KHTN (Hóa học)	13,50	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
30	92042	PHÙNG VĂN ĐỨC	19/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A1	Tin học	9,05	K. Khích	THCS Nguyễn Trãi
31	92044	NGUYỄN DUY HƯNG	20/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A3	Tin học	10,48	Ba	THCS Nguyễn Trãi
32	92045	BÙI TÂM LONG	03/5/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nam	7A10	Tin học	9,84	Ba	THCS Trần Quốc Toàn
33	92050	NGUYỄN THUY DƯƠNG	26/10/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Trung Vương
34	92051	NGUYỄN BẢO HÂN	03/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
35	92052	NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN	22/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A5	Ngữ văn	14,25	Nhì	THCS Trần Quốc Toàn
36	92054	LÊ HẢI LINH	08/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Bắc Sơn
37	92055	PHẠM PHƯƠNG LINH	20/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Ngữ văn	14,00	Nhì	THCS Trung Vương
38	92060	MAI TUẤN DŨNG	18/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Bắc Sơn
39	92061	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS Bắc Sơn
40	92064	NGUYỄN NGỌC HẠNH	07/01/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9A1	LS&ĐL (Địa lí)	16,25	Nhì	THCS Nguyễn Văn Cừ
41	92066	ĐỖ THUY LINH	20/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Nguyễn Văn Cừ
42	92067	PHẠM KHÁNH LINH	15/11/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Bắc Sơn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
43	92074	ĐỖ THỊ DIỆU AN	23/6/2010	Nghệ An	Kinh	Nữ	9A1	Tiếng Anh	16,10	Ba	THCS Nguyễn Trãi
44	92075	BÙI VŨ MINH ANH	24/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A1	Tiếng Anh	16,20	Ba	THCS Nguyễn Trãi
45	92078	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	11/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A8	Tiếng Anh	16,00	Ba	THCS Trần Quốc Toản
46	92080	VŨ TẮT THÀNH ĐẠT	24/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A2	Tiếng Anh	16,60	Nhì	Thực hành sự phạm
47	92086	PHẠM THỊ THU HÀ	15/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A4	GDCD	13,75	Ba	THCS Yên Thanh
48	92087	TRỊNH LAN HƯƠNG	15/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A8	GDCD	14,50	Nhì	THCS Nguyễn Trãi
49	92090	PHẠM YẾN NHI	15/8/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7A2	GDCD	14,25	Nhì	THCS Yên Thanh
50	92094	BÙI HUYỀN TRANG	13/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Điện Công

(Danh sách trên có 50 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI

Khóa ngày 06/03/2025

Đơn vị: 94-Phòng GDĐT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	93004	HOÀNG TRẦN MINH HẢI	19/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,75	Ba	THCS Hoàng Quế
2	93005	NGUYỄN VŨ MINH HOÀNG	25/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	Ba	THCS Hưng Đạo
3	93006	NGUYỄN THỊNH HÙNG	23/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,25	K. Khích	THCS Mạo Khê II
4	93016	NGUYỄN QUANG VINH	08/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	THCS Xuân Sơn
5	93018	NGUYỄN HUY ANH	05/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,25	K. Khích	THCS Nguyễn Du
6	93025	ĐƯƠNG VŨ DUY	03/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	11,50	K. Khích	THCS Mạo Khê II
7	93026	LÊ TÙNG DƯƠNG	17/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lý)	10,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
8	93027	VŨ HẢI ĐĂNG	07/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	12,50	Ba	THCS Bình Dương
9	93029	VƯƠNG NGỌC HÀ	12/02/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Sinh học)	16,75	Nhì	THCS Hưng Đạo
10	93030	TRẦN HOÀNG HẢI	02/02/2011	Phú Thọ	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	11,25	K. Khích	THCS Nguyễn Đức Cảnh
11	93033	ĐỖ THIÊN HUY	04/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Vật lý)	11,75	Ba	THCS Nguyễn Du
12	93036	HOÀNG TUẤN KIẾT	05/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Sinh học)	11,75	K. Khích	THCS Yên Thọ
13	93043	NGUYỄN QUANG MINH	27/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	KHTN (Sinh học)	11,25	K. Khích	TH&THCS Việt Dân
14	93050	GIANG THÁI SƠN	27/3/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	KHTN (Hóa học)	12,00	K. Khích	THCS Hoàng Quế
15	93057	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	01/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	KHTN (Hóa học)	11,75	K. Khích	THCS Mạo Khê II
16	93060	TRẦN QUỲNH ANH	19/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tin học	16,67	Nhất	THCS Nguyễn Du
17	93061	ĐẶNG THÁI BẢO	29/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	9,29	K. Khích	THCS An Sinh
18	93065	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	06/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	12,76	Ba	THCS Mạo Khê II
19	93066	PHẠM GIA HUY	19/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	10,65	Ba	THCS Mạo Khê II
20	93067	TẠ TRẦN KHÔI	26/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	13,27	Nhì	THCS Mạo Khê II
21	93068	MAI PHẠM LINH	19/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tin học	8,80	K. Khích	THCS Yên Thọ

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
22	93073	BÙI MINH	TIẾN	01/01/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,39	Ba	THCS Hoàng Quế
23	93078	TRIỆU MINH	ÁNH	02/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,75	Ba	THCS Nguyễn Đức Cảnh
24	93079	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH	CHI	27/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	K. Khích	THCS Nguyễn Du
25	93087	NGUYỄN NGỌC	MY	09/9/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,50	Nhì	THCS Nguyễn Đức Cảnh
26	93089	NGUYỄN BẢO	NGỌC	01/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Mạo Khê I
27	93090	MAI THANH	NHÀN	14/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Ba	THCS Nguyễn Đức Cảnh
28	93091	ĐỒNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	20/3/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
29	93093	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	22/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	K. Khích	THCS Mạo Khê I
30	93094	NGUYỄN MINH	THẢO	24/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
31	93100	VŨ HẢI	ANH	15/7/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	11,75	K. Khích	THCS Mạo Khê I
32	93101	VƯƠNG ĐOÀN KIỀU	ANH	31/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,25	Ba	THCS Bình Dương
33	93102	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC	ÁNH	20/12/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Nguyễn Du
34	93104	NGUYỄN KIM	CHI	06/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	16,00	Nhất	THCS Nguyễn Du
35	93105	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	13/01/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	LS&ĐL (Lịch sử)	12,00	K. Khích	THCS An Sinh
36	93107	NGUYỄN VĂN	GIANG	05/6/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Lịch sử)	14,25	Nhì	THCS Bình Dương
37	93109	PHẠM THỊ	HẰNG	15/02/2010	Hải Dương	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,00	Nhì	THCS Mạo Khê I
38	93110	NGUYỄN GIA	HÂN	24/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	15,00	Ba	THCS Hoàng Quế
39	93113	NGUYỄN QUỐC	HUY	21/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,75	K. Khích	THCS Kim Sơn
40	93115	NGUYỄN BÙI QUẾ	LÂM	08/4/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	LS&ĐL (Lịch sử)	12,50	Ba	THCS Nguyễn Du
41	93116	NGÔ PHƯƠNG	LINH	25/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Địa lí)	14,50	K. Khích	THCS Hoàng Quế
42	93122	PHẠM XUÂN	MAI	08/01/2010	Bắc Giang	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,00	Nhì	THCS Hưng Đạo
43	93125	PHẠM NGUYỄN MINH	NGỌC	04/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	14,00	K. Khích	THCS Mạo Khê I
44	93129	PHẠM ANH	THƯ	14/6/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	LS&ĐL (Lịch sử)	13,25	Ba	THCS Nguyễn Du
45	93130	HOÀNG KHÁNH	TOÀN	01/4/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	LS&ĐL (Địa lí)	16,50	Nhì	THCS Mạo Khê I
46	93132	NGUYỄN THANH	VÂN	27/7/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	LS&ĐL (Lịch sử)	13,50	Ba	THCS Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
47	93133	DƯƠNG KHẢI VY	13/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	LS&ĐL (Địa lí)	17,00	Nhì	THCS Tràng An
48	93149	ĐẶNG PHẠM MAI ANH	26/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	13,15	K. Khích	THCS Mạo Khê II
49	93151	NGÔ THẢO DUỘC	29/12/2011	Phú Thọ	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	13,35	K. Khích	THCS Mạo Khê II
50	93152	NGUYỄN DIỆU HOA	14/9/2011	Liên Bang Nga	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	13,00	K. Khích	THCS Mạo Khê II
51	93154	NGUYỄN GIA LINH	28/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	14,25	Ba	THCS Mạo Khê II
52	93155	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	03/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	14,00	Ba	THCS Mạo Khê II
53	93156	NGUYỄN VŨ HÀ LINH	16/7/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	15,15	Nhì	THCS Mạo Khê II
54	93157	LƯƠNG VIỆT LONG	21/9/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Pháp	16,05	Nhất	THCS Mạo Khê II
55	93158	ĐOÀN ĐỨC LỘC	06/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Pháp	13,95	K. Khích	THCS Mạo Khê II
56	93160	HOÀNG YẾN NGA	29/3/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	14,05	Ba	THCS Mạo Khê II
57	93164	HOÀNG ANH THU'	27/5/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	15,10	Nhì	THCS Mạo Khê II
58	93170	NGUYỄN NHƯ' ÁNH	28/11/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,75	Ba	THCS Tràng An
59	93171	NGUYỄN THỊ BÍCH	16/02/2012	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	12,25	K. Khích	TH&THCS Việt Dân
60	93172	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	29/10/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,75	K. Khích	THCS Thủy An
61	93173	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	09/01/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,25	Nhì	THCS Nguyễn Đức Cảnh
62	93175	NGUYỄN MINH HƯƠNG	19/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,25	Nhì	THCS Hồng Thái Đông
63	93176	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	09/3/2012	Hà Nội	Kinh	Nữ	7	GDCD	12,25	K. Khích	THCS Yên Thọ
64	93177	NGUYỄN VŨ DIỆU LINH	12/4/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,75	Ba	THCS Tràng An
65	93183	VŨ BẢO NGỌC	16/5/2010	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	THCS Nguyễn Đức Cảnh
66	93184	LÊ HỒNG NHUNG	23/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,75	K. Khích	THCS Mạo Khê I
67	93191	ĐẶNG THỊ MAI UYÊN	17/12/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,25	Ba	THCS Yên Thọ
68	93193	NGUYỄN HOÀNG YẾN	21/10/2011	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	K. Khích	THCS Hồng Thái Đông

(Danh sách trên có 68 học sinh)